

Số: 07/TCT-BKS

Hà nội, ngày 13 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Viglacera - CTCP**

BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY VIGLACERA – CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 27/04/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 174/TCT- NQĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Viglacera - CTCP đã được thông qua ngày 27/04/2021;

Căn cứ Biên bản họp số 06/TCT - BKS ngày 12/05/2021 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Viglacera – CTCP;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Viglacera – CTCP”.

Điều 2. Thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng/ban, Giám đốc, Trưởng các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty Viglacera – CTCP và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các Quy chế trước đây của Tổng công ty Viglacera – CTCP quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu BKS, VP TCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Mạnh Hữu

**BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**



VIGLACERA

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**

Hà Nội, tháng 5 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Căn cứ pháp lý.....	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	4
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 5. Cơ cấu tổ chức.....	5
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 7. Cách thức Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	7
Điều 9. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	7
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cuộc họp Ban kiểm soát	8
Điều 11. Biên bản họp của Ban kiểm soát	9
CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	10
Điều 12. Trình báo cáo hàng năm.....	10
Điều 13. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	10
Điều 14. Công khai các lợi ích liên quan.....	11
Điều 15. Bảo mật thông tin	11
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 17. Mối quan hệ với Ban điều hành	12
Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	13
Điều 20. Hiệu lực thi hành	13

PHẦN MỞ ĐẦU

Quy chế này được ban hành kèm theo Quyết định số 07/TCT-BKS ngày 13/05/2021 của Ban Kiểm soát Tổng công ty Viglacera – CTCP trên cơ sở Nghị quyết số 174/TCT-NQĐHCD ngày 27/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Viglacera – CTCP.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

1. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“Luật doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Viglacera - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2021 (“Điều lệ”).
6. Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp của Tổng công ty Viglacera - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2021 (“Quy chế quản trị nội bộ”).
7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Viglacera - CTCP số 174/TCT-NQĐHCD ngày 27/4/2021.
8. Các tài liệu liên quan khác.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Viglacera - CTCP (*Sau đây gọi là Quy chế*) quy định về tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện quyền hạn và nghĩa vụ, cơ chế hoạt động của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ của Tổng công ty Viglacera - CTCP (“Tổng công ty”); các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Viglacera - CTCP và quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân khác tại Tổng công ty Viglacera - CTCP có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty và các quy định tại Quy chế này.

2. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát không đồng ý với ý kiến chung của tập thể Ban kiểm soát, có thể bảo lưu ý kiến của mình và được ghi rõ vào Biên bản cuộc họp.

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của Tổng công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

4. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát;

5. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động bất thường để thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình, đồng thời được quyền bảo lưu ý kiến của mình trong trường hợp không đồng ý với ý kiến chung của tập thể. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới;

6. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;

7. Các quyền và nghĩa vụ tương ứng khi thực hiện quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Tổng công ty và nội dung Quy chế này;

8. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6 và 7 Điều này mà gây thiệt

hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty;

9. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên BKS

1. Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên gồm: 01 Trưởng Ban và các Kiểm soát viên, số lượng thành viên từng nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và Điều 35 của Điều lệ Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 của Điều lệ Tổng công ty.

2.2. Bên cạnh các quyền và trách nhiệm như thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát còn có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Tổ chức triển khai thực hiện quyền, nghĩa vụ, và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;

b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

d) Sau khi được sự thống nhất của các thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát được thay mặt Ban kiểm soát:

- Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Tổng Công ty và Quy chế này;

e) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty; Giám sát việc thực hiện các công việc được phân công trong phạm vi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát;

f) Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát;

g) Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng Công ty và Pháp luật.

Điều 7. Cách thức đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Tổng công ty.

2. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và được thực hiện theo khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 8 Điều 35 của Điều lệ Tổng công ty và được ĐHĐCĐ thông qua theo khoản 1 Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty.

4. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các chức danh quản lý khác;
- f) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- g) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- h) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng

viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty;

i) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

k) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật Doanh nghiệp, Điều 288 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 34 của Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài ra, Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát còn có những quyền và nghĩa vụ sau:

a) Kiến nghị Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sửa đổi, bổ sung các văn bản đã ban hành bao gồm các Quy chế nội bộ, quy định nội bộ và các văn bản khác thuộc thẩm quyền quyết định của các đối tượng này khi thấy các văn bản đó có những điểm không phù hợp, trái với các quy định của các văn bản pháp quy có giá trị cao hơn hoặc gây tổn hại cho Tổng công ty;

b) Trường hợp cần thiết Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quyết định việc điều động cán bộ nhân viên Tổng Công ty thực hiện chương trình kiểm tra kiểm soát;

c) Có thẩm quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hay cuộc họp Hội đồng quản trị lần lượt theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 và khoản 3 Điều 140 và điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 157 của Luật Doanh nghiệp;

d) Chịu các trách nhiệm cẩn trọng, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi, trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường lần lượt theo quy định tại Điều 36, 37, 38 Điều lệ Tổng công ty;

e) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Cuộc họp Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát thay mặt triệu tập họp và chủ trì, giải quyết các công việc của Ban kiểm soát.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát gồm:

- Cuộc họp định kỳ: tối thiểu 02 (hai) lần một năm.

- Cuộc họp bất thường: được tiến hành trong vòng 07 ngày làm việc sau khi nhận được đề nghị của:

* Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Phó Chủ tịch HĐQT;

* Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;

* Trưởng ban kiểm soát;

* Ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát;

* Tổng Giám đốc;

* Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty.

3. Thời gian triệu tập họp Ban kiểm soát: Mọi cuộc họp Ban kiểm soát được thông báo mời họp ít nhất 03 ngày trước ngày khai mạc (trừ trường hợp bất thường). Thông báo triệu tập họp có thể bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại.

Thông báo mời họp phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm, và kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề cần bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban kiểm soát có quyền gửi biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Địa điểm họp Ban kiểm soát: Địa điểm họp do người triệu tập họp quyết định trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Ban kiểm soát phải là cuộc họp trực tiếp vì tài liệu và nội dung có thể có những thông tin bí mật của Tổng công ty (trừ trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản). Trường hợp tài liệu liên quan đến cuộc họp chứa các thông tin bí mật, các thành viên được mời họp có trách nhiệm bảo mật các thông tin cũng như tài liệu liên quan.

5. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

6. Cuộc họp Ban kiểm soát được coi là đủ điều kiện tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban kiểm soát hoặc người được thành viên Ban kiểm soát uỷ quyền tham dự.

7. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

- Mỗi thành viên Ban kiểm soát có 01 phiếu biểu quyết. Kết luận của Ban kiểm soát được thông qua tại cuộc họp khi có đa số các thành viên có quyền biểu quyết tham dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

- Chỉ có thành viên Ban kiểm soát hoặc người được thành viên Ban kiểm soát uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết.

- Người được mời họp Ban kiểm soát phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng hoặc những người được Ban kiểm soát thấy cần thiết mời tham dự. Khi biểu quyết những nội dung kết quả giám định kỹ thuật hay nội dung chuyên sâu có thể mời các cơ quan đã tham gia giám định, các chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp dự họp.

- Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập, nếu được sự đồng ý bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:

- * Tên, địa chỉ trụ sở chính, số, ngày cấp Giấy CNĐKKD;
- * Mục đích lấy ý kiến;
- * Họ, tên, địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát;
- * Vấn đề cần lấy ý kiến;
- * Phương án biểu quyết bao gồm: đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến;
- * Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- * Họ tên, chữ ký của Trưởng ban kiểm soát.

Điều 11. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải lập chi tiết rõ ràng bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát phân công, có nhiệm vụ ghi chép nội dung cuộc họp dưới hình thức biên bản họp, lấy chữ ký của các thành viên dự họp hoặc tiếp nhận ý kiến bằng văn bản/email.

2. Biên bản các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ tại Ban kiểm soát và chỉ cung cấp cho Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc/Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 12. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty; Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành;
3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị;
4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông;
5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát;
6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 13. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Các chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập của thành viên Ban kiểm soát được Tổng công ty Viglacera - CTCP thanh toán theo quy định. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác (nếu có).
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Điều 14. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 15. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Tổng công ty và Pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của Tổng công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, hoặc các thông tin mà Tổng công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân. Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 17. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

2. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc các Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

3. Ban kiểm soát lập chương trình hoạt động định kỳ và bất thường (khi có phát sinh) gửi Ban điều hành đề nghị cung cấp thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo không gây gián đoạn hoạt động thông thường của Tổng công ty. Nếu có nội dung không phù hợp, Ban điều hành phản hồi lại trong vòng 07 ngày làm việc.

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Tổng công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.

4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

4. Hội đồng quản trị mời các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

7. Ban kiểm soát lập chương trình hoạt động định kỳ và bất thường (khi có phát sinh) gửi Hội đồng quản trị đề nghị cung cấp thông tin định kỳ và bất thường về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo không gây gián đoạn hoạt động thông thường của Tổng công ty. Nếu có nội dung không phù hợp, Hội đồng quản trị phản hồi lại trong vòng 07 ngày làm việc.

8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung được phản ánh trực tiếp cho Trưởng Ban kiểm soát để Ban kiểm soát xem xét và thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt điều chỉnh.

2. Trong trường hợp các quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp liên quan đến Ban kiểm soát thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các nội dung thay đổi. Trong thời gian chờ sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này, các quy định của Điều lệ Công ty, Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp liên quan đến Ban kiểm soát đã thay đổi sẽ được tự động cập nhật, áp dụng thay thế.

3. Những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nếu chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định nội bộ khác.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Chương và 20 Điều, có hiệu lực kể từ ngày 13/05/2021.

2. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm triển khai thực hiện các quy định tại Quy chế này. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Tổng công ty có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



TRẦN MẠNH HỮU